

Hung Yên, ngày tháng năm 2021



ĐƯ THẢO BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT
Tên tập thể: ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM TỈNH HUNG YÊN

1. Đặc điểm, tình hình

Hung Yên nằm ở tả ngạn sông Hồng, thuộc châu thổ đồng bằng Bắc Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Đông giáp tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Tây và tây bắc giáp Thủ đô Hà Nội, phía tây nam giáp tỉnh Hà Nam. Đây là điều kiện thuận lợi để Hưng Yên phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tháng 10 năm 1831, tỉnh Hưng Yên được chính thức xác lập trên bản đồ Việt Nam; tháng 7/1941, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên được thành lập; năm 1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết phê chuẩn hợp nhất tỉnh Hưng Yên và tỉnh Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Hải Dương; tháng 01/1997, tỉnh Hưng Yên được tái lập.

Sau nhiều lần điều chỉnh về địa giới hành chính, hiện nay tỉnh Hưng Yên gồm 10 huyện, thị xã, thành phố với 161 xã, phường, thị trấn; với diện tích tự nhiên 930,22 km², tổng dân số toàn tỉnh hơn 1,25 triệu người.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có những thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn thách thức, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp và diễn biến khó lường. Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, cân đối ngân sách gặp nhiều khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nhất là dịch tả lợn Châu Phi năm 2019 và dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) gây ra, đã ảnh hưởng lớn đến quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh và đời sống của Nhân dân. Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháo gỡ khó khăn về sản xuất kinh doanh, cùng với sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh; với truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, Nhân dân và cán bộ tỉnh Hưng Yên đã hăng hái thi đua, đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; đưa Hưng Yên trở thành nhóm 16 tỉnh, thành trong cả nước tự cân đối thu chi ngân sách; 10/10 huyện, thị xã, thành phố và tỉnh Hưng Yên hoàn thành xây

dựng nông thôn mới. Kinh tế phát triển ổn định với chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện, quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên; quy mô kinh tế năm 2020 theo giá hiện hành đạt trên 102 nghìn tỷ đồng, tăng 1,73 lần so với năm 2015. Bình quân giai đoạn 2016-2020: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,38%/năm (mục tiêu tăng từ 7,5-8%/năm). Giá trị sản xuất: Nông nghiệp, thủy sản tăng 2,78%/năm; công nghiệp, xây dựng tăng 10,3%/năm; thương mại, dịch vụ tăng 6,84%/năm. Kim ngạch xuất khẩu bình quân tăng 16,19%/năm. Thu ngân sách hàng năm liên tục tăng và vượt kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao; Năm 2020: Tỷ trọng khu vực nông nghiệp, thủy sản chiếm 9,65%; công nghiệp, xây dựng chiếm 61,5%; thương mại dịch vụ chiếm 28,85%; giá trị xuất khẩu đạt trên 5 tỷ USD. Giá trị thu được trên 1ha canh tác đạt trên 210 triệu đồng, tăng 60 triệu đồng/ha so với năm 2015. Thu ngân sách đạt 14.865 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 10.565 tỷ đồng (mục tiêu: đến năm 2020 đạt 13.000 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 9.000 tỷ đồng). GRDP bình quân đầu người đạt 79,57 triệu đồng (mục tiêu đạt 75 triệu đồng), gấp 1,64 lần so với năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1,8%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%. 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ tăng dân số 1,09%. Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 91,5%. Tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%. Tỷ lệ làng, khu phố văn hoá đạt 89%; gia đình văn hoá đạt 91,5%. Hoàn thành xây dựng nông thôn mới cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 41%. Huyện Mỹ Hào được công nhận là thị xã. Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã thu hút 816 dự án đầu tư, tăng 34,4% so với giai đoạn 2011-2015 (trong đó: 622 dự án trong nước với vốn đầu tư đăng ký trên 61,7 nghìn tỷ đồng, tăng 38,5% so với giai đoạn 2011-2015; 191 dự án nước ngoài, vốn đầu tư đăng ký trên 2,24 tỷ USD, tăng 34,9% so với giai đoạn 2011-2015), nâng tổng số dự án đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 1.985 dự án với tổng số vốn đăng ký tương đương trên 11 tỷ USD (mục tiêu đạt 10 tỷ USD); thu hút một số dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ tiên tiến, có khả năng tham gia sâu chuỗi liên kết khu vực và toàn cầu. Cơ cấu thu hút đầu tư có sự chuyển dịch tích cực, tập trung nhiều hơn vào dự án sử dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Những thành tựu trên của tỉnh có sự đóng góp tích cực của các phong trào thi đua yêu nước trong toàn hệ thống chính trị.

2. Những thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

Tỉnh Hưng Yên có các trục đường bộ, đường sắt, đường thủy sông Hồng, sông Luộc nối giữa Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hệ thống giao thông thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội, giao lưu với các tỉnh trong nước và quốc tế, đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh Hưng Yên phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hưng Yên có truyền thống đoàn kết, truyền thống văn hiến, cách mạng. Phát huy truyền thống, với tinh thần chủ động, sáng tạo, nỗ lực khắc phục khó khăn đã có những chuyển biến tiến bộ rõ rệt và toàn diện trên các lĩnh vực duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức cao và bền

vững, chuyên đổi cơ cấu tăng trưởng nhanh theo hướng công nghiệp và dịch vụ, từng bước ổn định và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2.2. Khó khăn

Bên cạnh những lợi thế, Hưng Yên còn không ít khó khăn như điểm xuất phát thấp về kinh tế, sức cạnh tranh còn yếu. Những năm tái lập tỉnh, kinh tế chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp (chiếm tỷ trọng 51,87%), thu nhập bình quân đầu người thấp so với cả nước. Hạ tầng kỹ thuật phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, thiếu và yếu kém, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển (Công nghiệp - xây dựng chiếm 20,26%, dịch vụ 27,87%). Hưng Yên chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới và khu vực; tác động của mặt trái cơ chế thị trường đã ảnh hưởng hạn chế tới việc thu hút đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, lạm phát là thách thức lớn.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC SAU 25 NĂM TÁI LẬP TỈNH

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước, Đảng bộ Hưng Yên ban hành Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV (1997-2000), lần thứ XV (2001-2005), lần thứ XVI (2005-2010), lần thứ XVII (2010-2015) và lần thứ XVIII (2015-2020), lần thứ XIV (2021-2025) đã vận dụng sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng bằng các chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch phù hợp với thực tiễn.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xác định phát huy nội lực, huy động tối đa mọi nguồn lực từ bên ngoài, tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế xã hội với nhiệm vụ trọng tâm là: Chuyên đổi cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động theo hướng tập trung phát triển công nghiệp và dịch vụ, giải quyết việc làm mới để chuyển dần phần lớn lao động từ khu vực nông nghiệp sang làm công nghiệp, dịch vụ; vừa thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và du lịch, tăng nguồn thu cho ngân sách để tăng nguồn chi cho hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, hiện đại; huy động các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị nhất là xây dựng giao thông; trên cơ sở quy hoạch cán bộ, thực hiện công tác đào tạo, đánh giá sử dụng cán bộ thông qua việc đẩy mạnh luân chuyển cán bộ giữa các cấp và luân chuyển ở các ngành trong cùng cấp. Cùng với phát triển kinh tế, quan tâm phát triển các lĩnh vực văn hóa, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội. Thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Quyết tâm đưa Hưng Yên phấn đấu sớm trở thành tỉnh công nghiệp.

Sau 25 năm xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, cùng với sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh; với truyền

thống lao động cần cù, sáng tạo, Nhân dân và cán bộ tỉnh Hưng Yên đã hăng hái thi đua, đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật và toàn diện trên các lĩnh vực. Từ một tỉnh thuần nông, độc canh cây lúa đã nhanh chóng vươn lên thành một tỉnh khá trong khu vực và cả nước, cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động chuyên dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống dân cư được xây dựng, cải tạo và nâng cấp từng bước đồng bộ, hiện đại, giao thông đường bộ (quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và giao thông nông thôn) được cải thiện; cơ sở vật chất trường học, cơ sở y tế được kiên cố hoá; hạ tầng khu, cụm công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp được đầu tư hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước vào tỉnh đầu tư; đời sống nhân dân được cải thiện, đảm bảo vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; diện mạo đô thị nông thôn được đầu tư xây dựng khang trang. Những thành tựu đó được thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

1. Kinh tế luôn duy trì và phát triển với tốc độ tăng trưởng cao

1.1. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và ổn định

Bình quân giai đoạn 1997 - 2000 tăng 13,32%/năm, bình quân giai đoạn 2001 - 2005 tăng 12,27%/năm, bình quân giai đoạn 2006 - 2010 tăng 11,75%, bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 7,85%/năm, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 8,38%/năm.

Qua 5 kỳ Kế hoạch thuộc các giai đoạn (1997 - 2000, 2001 - 2005, 2006 - 2010, 2011 - 2015, 2016-2020), cả 3 khu vực kinh tế đều duy trì tốc độ tăng trưởng cao và vượt so với mục tiêu đề ra. Bình quân giai đoạn 1997 - 2010, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%/năm; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 22,59%/năm; khu vực dịch vụ tăng 14,87%/năm. Bình quân giai đoạn 2011 - 2015, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,18%/năm; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 8,21%/năm; khu vực dịch vụ tăng 11,93%/năm. Giai đoạn 2016-2020, giá trị sản xuất: Nông nghiệp, thủy sản tăng 2,78%/năm; công nghiệp, xây dựng tăng 10,3%/năm; thương mại, dịch vụ tăng 6,84%/năm. 06 tháng đầu năm 2021, giá trị sản xuất: Nông nghiệp, thủy sản tăng 2,84%; công nghiệp, xây dựng tăng 7,68%; thương mại, dịch vụ tăng 4,45%.

Giai đoạn 1997 - 2000, cơ sở vật chất vừa thiếu, vừa yếu và xuống cấp do nhiều năm không được quan tâm đầu tư; các đơn vị kinh tế phát triển nhỏ lẻ, manh mún; đời sống dân cư còn gặp nhiều khó khăn, với sự lãnh đạo của tỉnh ủy, HĐND, sự chỉ đạo của UBND tỉnh và các cấp chính quyền, sự nỗ lực của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích và thu hút nguồn lực mọi thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, nền kinh tế đã bước đầu vượt qua những khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 13,32%.

Giai đoạn 2001 - 2005 là giai đoạn thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH - HĐH, Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc CNH, HĐH tỉnh nhà. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12,27%; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng

4,49%/năm; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 20,45%/năm; khu vực dịch vụ tăng 15,17%/năm. Giai đoạn này, năm 2004 và 2005 là hai năm có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất, đạt gần 13%/năm.

Giai đoạn 2006 - 2010, mặc dù bị khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế của tỉnh, thời tiết, khí hậu cực đoan bất thường và khó lường, thiên tai dịch bệnh. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh từng bước khắc phục khó khăn, thực hiện thắng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đã có sự thay đổi trên nhiều lĩnh vực, nhất là cơ sở hạ tầng. Tổng sản phẩm trong tỉnh tăng trưởng bình quân 11,75%, riêng năm 2009 là năm gặp khó khăn nhất do tác động của suy thoái kinh tế nên tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 7,01%. Bước sang năm 2010, kinh tế của tỉnh đã phục hồi nhanh chóng, các ngành, lĩnh vực đã vượt qua khó khăn, tổng sản phẩm trong tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng 12,11%.

Giai đoạn 2011- 2015, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức từ những diễn biến phức tạp khó lường của thị trường trong nước và ngoài nước, tuy nhiên kinh tế duy trì tăng trưởng khá so với mức bình quân chung cả nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP), bình quân 5 năm đạt 7,85%. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 48,98%; nông nghiệp 13,54%; thương mại - dịch vụ 37,47%. Năm 2015, tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 40,41 triệu đồng/người, tăng 16,46 lần so với năm 1997, đã đưa Hưng Yên có tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt mức trung bình so với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Giai đoạn 2016 - 2020, với bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có những thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn thách thức, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp và diễn biến khó lường. Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, cân đối ngân sách gặp nhiều khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nhất là dịch tả lợn Châu Phi năm 2019 và dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) gây ra, đã ảnh hưởng lớn đến quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh và đời sống của Nhân dân. Tuy nhiên với sự nỗ lực nỗ lực của các cấp, các ngành, của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh, đã đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; đưa Hưng Yên trở thành nhóm 16 tỉnh, thành trong cả nước tự cân đối thu chi ngân sách; 10/10 huyện, thị xã, thành phố và tỉnh Hưng Yên hoàn thành xây dựng nông thôn mới. Năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 79,57 triệu đồng gấp 1,64 lần so với năm 2015, gấp 3,35 lần so với năm 2010. So với các tỉnh thành trong khu vực và cả nước, GRDP bình quân đầu người của Hưng Yên đến nay đã đạt mức khá, xếp thứ 12/63 tỉnh thành phố trong cả nước và xếp thứ 6/11 tỉnh, thành phố trong khu vực đồng bằng sông Hồng.

1.2. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Trong 25 năm qua, nền kinh tế của tỉnh luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao; các ngành, các lĩnh vực sản xuất then chốt phát triển mạnh với nhiều nội dung, hình thái mới; đặc biệt là trong sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ đã hình thành nên các ngành kinh tế mới, kinh tế mũi nhọn đem lại hiệu quả kinh tế cao, giải quyết nhiều việc làm cho người lao động và đóng góp mang tính quyết định đến nguồn thu ngân sách của tỉnh. Vì vậy, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra khá nhanh phù hợp với định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tỷ trọng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh (năm 1997 là 51.87%, năm 2015 còn 13.54%, năm 2020 còn 9,65%); tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng tăng gấp hơn hai lần (từ 20.26% năm 1997 lên 48,98% năm 2015; năm 2020 lên 61,5%); tỷ trọng các ngành dịch vụ tăng từ 27,87% năm 1997 lên 37,48% năm 2015, năm 2020 chiếm 28,85%. Tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp tăng nhanh đã tạo ra sự thay đổi khá mạnh mẽ giữa các ngành, hình thành một số ngành lĩnh vực và sản phẩm quan trọng như: Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, hàng điện tử, may mặc, giày dép, sắt thép, chế biến thức ăn gia súc, các ngành công nghiệp công nghệ cao như Nhà máy xử lý nước thải, nhà máy cung cấp nước

Cơ cấu kinh tế giai đoạn 1997- tháng 6/2021

%

Năm	Tổng số	Chia ra:		
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Năm 1997	100,00	51,87	20,26	27,87
Năm 2001	100,00	38,04	32,44	29,52
Năm 2006	100,00	27,70	40,20	32,10
Năm 2010	100,00	17,85	48,12	34,03
Năm 2015	100,00	13,54	48,98	37,48
Năm 2020	100,00	9,65	61,5	28,85

Bên cạnh việc dịch chuyển cơ cấu chung của cả nền kinh tế, trong nội bộ từng ngành kinh tế cũng có những chuyển biến rất tích cực. Sản xuất trong nông nghiệp đang dần chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ, phân tán sang sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với thị trường, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Nhiều diện tích gieo trồng cây lương thực hiệu quả thấp được quy hoạch chuyển đổi sang các loại cây, con cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Công nghiệp chế biến thì tận dụng những nguồn lực sẵn có của địa phương và các tỉnh trong khu vực, nhất là nhân công dồi dào để nâng cao giá trị sản phẩm như may mặc, giày da.... phát

triển mạnh và chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp, như: sản xuất sắt thép, sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; sản xuất thiết bị điện, điện tử. Các ngành dịch vụ: thương nghiệp, điện lực, vận tải, bưu chính viễn thông, khách sạn nhà hàng, ngân hàng phát triển mạnh đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống.

Quy hoạch và hình thành các vùng phát triển kinh tế, vùng chuyên canh cây giống trong sản xuất nông nghiệp, các khu công nghiệp tập trung, đô thị và dịch vụ. Tỉnh đã đầu tư quy hoạch, phát triển mạnh các loại cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, phù hợp với ứng phó biến đổi khí hậu, trong đó tập trung trồng các loại lúa cao sản ở huyện Ân Thi, Khoái Châu, Kim Động, Tiên Lữ; phát triển mạnh cây ăn quả, hoa cây cảnh, rau màu và chăn nuôi ở huyện Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ, Khoái Châu, Tiên Lữ; hình thành các khu công nghiệp tập trung ở các huyện có hạ tầng kỹ thuật tốt như: Huyện Văn Lâm, Yên Mỹ, thị xã Mỹ Hào.

1.3. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

Những năm qua mặc dù gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh phức tạp, diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa tăng thu hồi đất phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật (đặc biệt là đường bộ); nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hưng Yên đạt được nhiều thành tựu quan trọng và tương đối toàn diện. Sản xuất nông nghiệp liên tục được mùa giữ tốc độ tăng trưởng khá và ổn định; an toàn lương thực được đảm bảo vững chắc; cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục được chuyển đổi tích cực theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản, rau quả, cây công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp.

Giai đoạn 1997 - 2010, trong sản xuất cây lương thực, diện tích gieo trồng cây lương thực liên tục giảm, bình quân giai đoạn 1997 - 2000 giảm 2,09%, giai đoạn 2001 - 2005, giảm 1,57%, giai đoạn 2006 - 2010 tăng 0,23%. Cây ăn quả tăng về diện tích; năng suất và sản lượng tăng mạnh là cây có múi, chuối đã trở thành sản phẩm nổi tiếng; cây đặc sản nhãn, vải phát triển ổn định về số lượng và nâng cao chất lượng. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển mạnh và toàn diện cả về số lượng, chất lượng, quy mô và hình thức chăn nuôi.

Giai đoạn 2011 - 2015 nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa (tăng trưởng bình quân đạt 2,2%/năm). Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng cây lương thực giảm dần; tăng tỷ trọng rau quả, cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản; giá trị thu trên 01ha canh tác trên 150 triệu đồng. Tích cực chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Tổng diện tích gieo trồng hàng năm khoảng 108 nghìn ha; trong đó lúa khoảng 80 nghìn ha, năng suất lúa bình quân một vụ đạt gần 65 tạ/ha, sản lượng lương thực bình quân đạt 56,1 vạn tấn/năm (thóc 51,2 vạn tấn/năm). Sản lượng nhãn, vải đạt 45 nghìn tấn/năm; cam, chanh, quýt tăng 4,96%/năm, chuối tăng 6,86%/năm. Tổng đàn gia súc, gia cầm được duy trì ổn định về quy mô và sản lượng xuất chuồng. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng bình quân đạt 126 nghìn tấn/năm (tăng 3,45%/năm), sản lượng thủy sản bình quân đạt 30,24 nghìn tấn/năm (tăng 6,57%/năm). Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả. Đến hết năm 2015, bình quân toàn tỉnh đạt 14,7 tiêu chí/xã, 35 xã (chiếm 24,2% tổng số xã) đạt chuẩn nông thôn mới, 29 xã đạt 15-18 tiêu chí, 78 xã đạt 10-14 tiêu chí, không có xã dưới 10 tiêu chí.

Giai đoạn 2016-2020 chuyển đổi 9.700 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chăn nuôi tập trung theo mô hình VietGap. Thủy sản phát triển ổn định, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt trên 46 nghìn tấn, tăng trên 34% so với năm 2015. Các ngành nghề truyền thống và dịch vụ ở nông thôn phát triển khá; kinh tế hợp tác phát triển, đa dạng về hình thức và quy mô; toàn tỉnh có 320 hợp tác xã nông nghiệp, 476 tổ hợp tác, 710 mô hình kinh tế trang trại đang hoạt động. Thu hút thêm trên 200 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với tổng vốn đăng ký gần 15.000 tỷ đồng, góp phần phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Giá trị sản xuất trên 1ha canh tác đạt 210 triệu đồng (năm 2015 đạt 150 triệu đồng/ha). Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 50 triệu đồng/người/năm.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn với kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ngày càng khang trang, hiện đại. Đến nay, 100% đơn vị cấp xã (145/145) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, là một trong 8 tỉnh đầu tiên trên toàn quốc hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. 10/10 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và tỉnh Hưng Yên đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

6 tháng đầu năm 2021, chuyển đổi 270 ha cây trồng kém hiệu quả, chủ yếu chuyển sang trồng cây ăn quả lâu năm; thực hiện 61 mô hình với tổng diện tích thực hiện 1.230ha (tăng 29 mô hình và 483 ha so với năm 2020). Tình hình chăn nuôi ổn định, không có dịch bệnh xảy ra, các trang trại đã tăng đàn, tái đàn trở lại. Chất lượng con giống được nâng lên. Hình thức và quy mô chăn nuôi phát triển theo hướng tăng chăn nuôi trang trại đảm bảo an toàn sinh học. Diện tích nuôi trồng thủy sản được duy trì ổn định, đạt 5.750 ha, sản lượng thủy sản đạt 26.270 tấn, tăng 5,62% so với cùng kỳ năm trước. Công tác thủy lợi triển khai đồng bộ, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ sản xuất. Hoạt động phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới được quan tâm. Đã thành lập mới 08 HTX nông nghiệp, 19 tổ hợp tác; ban hành danh sách 43 xã đăng ký phấn đấu nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2015; hoàn thiện bộ tiêu chí về khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2015. Đến nay, đã có 08 khu dân cư được công nhận khu dân cư kiểu mẫu.

1.4. Sản xuất công nghiệp

Thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đặc biệt coi trọng phát triển sản xuất công nghiệp, ưu tiên thu hút mọi nguồn lực phát triển kinh tế. Trong những năm qua sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh được đầu

tư tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật nâng cao năng lực sản xuất, thúc đẩy nhiều thành phần kinh tế phát triển, nhất là kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao có sức cạnh tranh, hạn chế chất thải gây ô nhiễm môi trường, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, giải quyết việc làm cho người lao động. Với những biện pháp tích cực, sản xuất công nghiệp của tỉnh đã có những bước phát triển vượt bậc.

Giai đoạn 1997 - 2010, số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp tăng nhanh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Năm 1997 có 13.758 cơ sở, năm 2001 có 15.177 cơ sở, năm 2010 có 18.851 cơ sở. Khu vực kinh tế nhà nước được sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Khu vực ngoài Nhà nước phát triển theo cơ chế thị trường do vậy thành phần kinh tế này tăng nhanh. Đối với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, số lượng dự án có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh về số lượng, quy mô sản xuất; năm 2001 mới có 6 dự án, năm 2006 có 77 dự án, năm 2010 có 190 dự án, trong đó có 103 dự án đi vào hoạt động.

Giai đoạn 2011 - 2015, giá trị sản xuất công nghiệp tăng khá bình quân 9,65%; cơ cấu công nghiệp chuyên dịch tích cực. Tiêu thụ công nghiệp được duy trì, 59 làng nghề đang hoạt động hiệu quả. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, tập trung các nguồn lực để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đến hết năm 2015, thu hút được 1.277 dự án với tổng vốn đăng ký tương đương 7,1 tỷ USD, trong đó có 810 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 12 vạn lao động.

Giai đoạn 2011 - 2020, giá trị sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, bình quân tăng 10,64%/năm. Các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh thu hút được nhiều dự án đầu tư quy mô lớn, hàm lượng công nghệ cao, đến nay thu hút được trên 450 dự án đầu tư, trong đó 250 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chiếm 56% tổng số dự án đầu tư. Nhiều dự án lớn, triển khai nhanh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng công nghiệp, tạo việc làm và tăng thu ngân sách của tỉnh. Các dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạo việc làm cho khoảng 44.357 lao động với mức thu nhập bình quân khoảng 7,5 triệu đồng/người/tháng.

Tỉnh đã quy hoạch 13 khu công nghiệp tập trung với quy mô 3.048 ha; mở rộng 1 khu công nghiệp và thành lập thêm 3 khu công nghiệp, nâng tổng số lên 7 khu công nghiệp đi vào hoạt động với 1.879 ha đất khu công nghiệp được triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng; tổng diện tích đất trong các khu công nghiệp đã cho thuê đạt gần 70%. Hầu hết các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp có tốc độ triển khai nhanh, sớm đi vào hoạt động. Tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển cụm công nghiệp, cơ chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp; giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh thành lập 13 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 660 ha; nâng tổng số lên 24 cụm công nghiệp với tổng diện tích trên 1.300 ha; thu hút 535 dự án đầu tư và trên 600 cơ sở sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp. Tiêu thụ công nghiệp và làng nghề

tiếp tục phát triển. Đến nay, toàn tỉnh có 51 làng nghề trong đó có một số làng nghề phát triển hiệu quả như: Làng nghề Hoa, cây cảnh Xuân Quan, làng nghề truyền thống Đúc đồng Lộng Thượng, làng nghề mộc mỹ nghệ Phúc Miếu,...

6 tháng đầu năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 7,81%. Hoạt động quản lý Cụm công nghiệp được tăng cường. Công tác thành lập mới và mở rộng KCN được quan tâm. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Phố Nối A mở rộng diện tích 92,5 ha đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. Đã giải phóng mặt bằng khoảng 133ha, đang tổ chức triển khai đầu tư xây dựng 67 ha hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích đã đền bù giải phóng mặt bằng.

1.5. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Giai đoạn 1997 - 2010: Phát triển nhanh về số lượng cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ đã góp phần tích cực vào việc lưu thông hàng hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của sản xuất và đời sống. Doanh thu từ hoạt động thương mại tăng mạnh; năm 1997 đạt 685,4 tỷ đồng, năm 2001 đạt 1.448,3 tỷ đồng, năm 2006 đạt 6.228,2 tỷ đồng, năm 2010 đạt 16.395,3 tỷ đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế liên tục tăng, năm 1997 đạt 913 tỷ đồng, đến năm 2010 đạt 9.923 tỷ đồng tăng 13,6% so với năm 1997. Bình quân giai đoạn 1997 - 2010 tăng 20,51%/ năm.

Giai đoạn 2011 - 2015, hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng bình quân 8,3%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa tiếp tục tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng bình quân tăng 15,19%/năm; 100% số xã có bưu cục hoặc điểm bưu điện văn hóa. Du lịch bước đầu phát triển với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, các địa phương lân cận, nhất là Thủ đô Hà Nội; cơ sở hạ tầng các khu du lịch được đầu tư nâng cấp.

Giai đoạn 2016-2020 bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng 10,3%/năm. Hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư theo hướng hiện đại; đã xây mới 6 chợ, chuyên đổi 12 chợ, thu hút được 11 doanh nghiệp tham gia xây dựng đầu tư và quản lý chợ, triển khai 19 dự án trung tâm thương mại; phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi, xây dựng và đưa vào hoạt động nhiều siêu thị phục vụ Nhân dân. Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh; tổ chức tốt các sự kiện quảng bá, giới thiệu, kết nối cung cầu tiêu thụ hàng hóa cấp tỉnh, cấp khu vực và tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại quốc tế. Duy trì thường niên Lễ hội Nhãn lồng Hưng Yên, Hội nghị kết nối cung cầu tiêu thụ nông sản của tỉnh. Phát triển du lịch được chú trọng, tốc độ phát triển trung bình đạt 12,5%/năm, khách du lịch đến tỉnh ngày càng tăng. Xuất khẩu duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Các doanh nghiệp chủ động củng cố thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới; tích cực đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và tăng sức cạnh tranh. Kim ngạch xuất khẩu bình quân tăng 16,19%/năm.

6 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng 5,38%, thực hiện tốt công tác chuẩn bị hàng hóa, góp phần cân đối cung cầu, bình ổn thị trường; đồng thời chủ động phương án cung ứng hàng hóa phục vụ Nhân dân

trong các khu vực thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội. Xây dựng các giải pháp tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại nông sản trong điều kiện dịch Covid-19. Đang tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2021.

1.6. Lĩnh vực thu, chi ngân sách

Kinh tế phát triển nhanh, nguồn thu ngân sách ngày càng cao, đáp ứng tốt nhu cầu chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên. Trong những năm qua, việc thực hiện chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh trong điều kiện Đảng và Chính phủ có nhiều Nghị quyết, chính sách quan trọng đối với doanh nghiệp, nông nghiệp, nông thôn; sự tác động của khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu. Song thu ngân sách Nhà nước vẫn tăng liên tục với tốc độ cao. Năm 1997, các khoản thu nội địa đạt 91 tỷ đồng, đến năm 2015 đạt 5.345 tỷ đồng, tăng gấp 58.7 lần so với năm 1997, bình quân mỗi năm tăng 25,39%; thu thuế ngoài quốc doanh 2.187 tỷ đồng, tăng 275 lần so với năm 1997; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1.223 tỷ đồng, tăng gấp 94 lần so với năm 1997; thu tiền sử dụng đất 593 tỷ đồng; tăng gấp 267 lần so với năm 1997. Thu thuế xuất nhập khẩu cũng liên tục tăng cao, năm 1997 đạt 12,5 tỷ đồng, đến năm 2015 đạt 2.518 tỷ đồng; tăng gấp 201 lần so với năm 1997; bình quân mỗi năm tăng 34,28%. Từ năm 2017, Hưng Yên tự cân đối ngân sách và có điều tiết về Trung ương 7%. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân đạt gần 13%/năm; tổng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 đạt 65.623 tỷ đồng (trong đó thu nội địa chiếm trên 73%), gấp trên 2,1 lần tổng thu ngân sách giai đoạn 2011-2015. Cơ cấu thu ngân sách được cải thiện tích cực, tăng dần số thu nội địa từ khu vực sản xuất kinh doanh; công tác quản lý thu ngân sách và kiểm soát chi ngân sách được tăng cường. Chi ngân sách hàng năm bảo đảm chế độ, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi; chi ngân sách bình quân tăng 6,49%/năm; không để xảy ra tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản. Hoạt động tín dụng, ngân hàng phát triển ổn định, tổng nguồn vốn hoạt động đạt gần 92 nghìn tỷ đồng, tăng 55,6 nghìn tỷ đồng so với năm 2015, tăng trưởng bình quân đạt 24,2%/năm.

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1997 - 2020

Triệu đồng

Năm	Tổng số	Chia ra:	
		Thu nội địa	Thuế XNK
Năm 1997	103.512	91.019	12.493
Năm 2001	358.870	293.656	65.214
Năm 2006	1.449.120	725.790	723.330
Năm 2010	3.365.995	2.491.275	874.720

Năm 2015	7.863.915	5.345.397	2.518.518
Năm 2020	14.865.000	10.565.000	4.300.000
6 tháng đầu năm 2021	9.100.000	7.200.000	1.900.000

Nguồn thu ngân sách tăng nhanh đáp ứng tốt cân đối chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên. Chi ngân sách đảm bảo đúng dự toán tăng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; xử lý kịp thời các nhiệm vụ phát sinh như: bổ sung tiền lương mới, về phòng chống thiên tai, dịch bệnh... Các đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính đã thực hiện đúng chế độ, chính sách, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

1.7. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Trong những năm qua, các cấp các ngành của tỉnh tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường. Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường tỉnh. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất, công tác kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất luôn được quan tâm thực hiện có hiệu quả. Công tác thẩm định môi trường đã được quan tâm hơn. Công tác quản lý đất đai được tăng cường, các hoạt động bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ. Tỉnh hỗ trợ cấp huyện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tập trung; xây dựng 17 bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh và 123 điểm tập kết rác thải quy mô thôn, xã; 100% số thôn, khu dân cư thành lập tổ chức tự quản thu gom rác thải. Công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được tăng cường; xử lý có hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm. Tích cực xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh mới xây dựng đảm bảo yêu cầu về môi trường; 76% chất thải rắn nông thôn được thu gom xử lý; 100% chất thải y tế được xử lý; 63% cơ sở y tế công lập đã đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải. Môi trường đô thị từng bước được cải thiện, đã có sự quan tâm phát triển diện tích cây xanh, mặt nước. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được triển khai hiệu quả; tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ chiếm 33%.

1.8. Về Giao thông vận tải, thông tin và truyền thông

Mạng lưới giao thông của tỉnh trong những năm qua đã được xây dựng và nâng cấp một khối lượng đáng kể. Mạng lưới đường, cầu xây dựng mới và nâng cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách. Năm 1997 vận chuyển hành khách đường bộ được 30.491 nghìn lượt hành khách, năm 2001 vận chuyển hành khách đường bộ được 1.101 nghìn hành khách, năm 2006 vận chuyển 2.465 nghìn hành khách, năm 2010 vận chuyển 5.171 nghìn hành khách, năm 2020 vận chuyển 14.260 nghìn hành khách. Vận tải hành khách bằng đường sông năm 2001 vận chuyển 618 nghìn hành khách, năm 2006 vận chuyển 698 nghìn hành khách, năm 2010 vận chuyển 692 nghìn hành khách, năm 2020 vận chuyển được 1.618 nghìn lượt hành khách. Vận tải hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn về khối lượng vận chuyển, năm 2001 vận tải đường bộ vận chuyển được 3.705 nghìn tấn, chiếm 88,49% tổng số hàng hóa vận chuyển, luân

chuyên được 74.673 nghìn tấn/km, chiếm 56,21% tổng số hàng hóa luân chuyên, năm 2011 vận tải đường bộ đạt 12.221 nghìn tấn vận chuyên, chiếm 84,91% tổng số vận chuyên hàng hóa và 297.135 nghìn tấn luân chuyên, chiếm 56,0 tổng số hàng hóa vận chuyên, năm 2020 vận tải đường bộ đạt 32.833 nghìn tấn vận chuyên chiếm 87,11% tổng số hàng hóa vận chuyên và 954.658 nghìn tấn luân chuyên, chiếm 72,62% tổng số hàng hóa luân chuyên; trung bình giai đoạn 2011 – 2020, vận tải đường bộ tăng 11,08%/năm về khối lượng vận chuyên và tăng 13,32% về khối lượng luân chuyên. Vận tải đường sông vận chuyên được 482 nghìn tấn năm 2001, luân chuyên 58.177 nghìn tấn/km, năm 2010 vận chuyên được 2.180 nghìn tấn, luân chuyên được 218.050 nghìn tấn/km. Giai đoạn 2011 – 2020, vận tải hàng hóa đường sông tăng trung bình 6,7%/năm về khối lượng hàng hóa vận chuyên và 4,75%/năm về khối lượng hàng hóa luân chuyên. 6 tháng đầu năm 2021, vận tải hành khách đạt 8,1 triệu lượt người vận chuyên và 423,5 lượt người luân chuyên; vận tải hàng hóa đạt 20.15 triệu tấn vận chuyên và 848,4 triệu tấn luân chuyên.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông không ngừng phát triển, mở rộng theo hướng hiện đại có khả năng cung cấp đa dịch vụ với chất lượng và độ tin cậy cao, ngày càng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân và doanh nghiệp, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư phát triển, vùng phủ sóng di động, mạng điện thoại cố định, dịch vụ Internet tốc độ cao ngày một mở rộng, chất lượng được cải thiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở đã kịp thời chuyển tải các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thông tin kinh tế- xã hội đến người dân.

1.9. Về Khoa học và công nghệ

Công tác khoa học công nghệ được quan tâm; tích cực chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất giống cây trồng, vật nuôi và bảo quản sau thu hoạch, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cải tạo vườn tạp, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp. Công tác quản lý về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, quản lý bức xạ, sở hữu công nghệ được tăng cường, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát lĩnh vực khoa học công nghệ được quan tâm.

2. Văn hoá, Xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng; đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt

2.1. Về Giáo dục và Đào tạo

Quy mô giáo dục và đào tạo được giữ vững và từng bước được chuẩn hóa. Mạng lưới trường lớp được phát triển mạnh, chất lượng giáo dục toàn diện có tiến bộ, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được chăm lo xây dựng, cơ sở vật chất nhà trường tiếp tục được cải thiện. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và tạo điều kiện phát triển với sự tham gia đóng góp của toàn xã hội. Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tăng qua các năm. Tích cực đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 405 trường đạt chuẩn quốc gia, tăng 142 trường so với năm 2015. Tỷ lệ

phòng học kiên cố cao tầng đối với tiểu học là 93,9%; trung học cơ sở là 97,1%; trung học phổ thông là 98,5%. 100% giáo viên mầm non, phổ thông đạt chuẩn và trên chuẩn; 01 giáo viên được vinh danh trong top 50 giáo viên toàn cầu do Tổ chức giáo dục thế giới Varkey Foundation bình chọn. Chất lượng phổ cập giáo dục được nâng cao. Hàng năm, học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt tỷ lệ trung bình trên 95%, học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia đạt từ 33-54 giải, có học sinh đoạt giải quốc tế. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông thi đỗ vào các Trường Đại học hàng năm đạt trung bình 58,8%/năm, tăng 7,2% so với trung bình giai đoạn 2011-2015. Hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động Trường Đại học Thủy Lợi cơ sở 2 tại Khu đại học Phố Hiến, nâng số trường đại học đang hoạt động tại tỉnh lên 6 trường.

Bên cạnh phát triển giáo dục phổ thông, giáo dục bổ túc văn hóa cũng được quan tâm và thực hiện tốt các chương trình bổ túc trung học, trung học cơ sở, trung học phổ thông với sự tham gia của các trung tâm giáo dục thường xuyên của các huyện, thành phố trong tỉnh, góp phần tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phổ cập giáo dục bậc trung học. Mạng lưới các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh liên tục được củng cố và phát triển; các trường được sắp xếp một cách hợp lý, gắn với yêu cầu nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong phạm vi cả nước và của địa phương.

Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên và cán bộ quản lý tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Trong năm học tổ chức tập huấn cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và giáo viên dạy chương trình thay sách giáo khoa mới, bồi dưỡng chuyên đề cập nhật, mở lớp nâng chuẩn cho giáo viên mầm non, tiểu học. Toàn ngành có nhiều giáo viên được tiếp tục đào tạo trên chuẩn; công tác bồi dưỡng về quản lý cho toàn bộ hiệu trưởng các trường; trường, phó các phòng, ban, đơn vị quản lý giáo dục được quan tâm. Qua đó, đã nâng tỷ lệ giáo viên ở các cấp đạt chuẩn và trên chuẩn khá cao so với bình diện chung trên toàn quốc.

Công tác xã hội hóa giáo dục trong các năm được đẩy mạnh. Hội khuyến học, Chi hội khuyến học phát triển rộng khắp. Đến nay, 100% các trường đều có tổ chức khuyến học, hầu hết các huyện, thành phố đã có Hội khuyến học. Mô hình khuyến học dòng họ đang phát triển tốt. Hiện nay 100% số xã, phường, thị trấn đều có quỹ khuyến học, khuyến tài. Các địa phương làm tốt việc tổ chức khen thưởng cho học sinh giỏi, giáo viên giỏi, tổ chức tặng quà cho học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, học sinh nghèo vượt khó học giỏi.

Đào tạo nghề tiếp tục được đẩy mạnh, chuyên đổi theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu thị trường lao động, gắn với các chương trình giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, xuất khẩu lao động và các mục tiêu xã hội khác.

2.2. Về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

Từ năm 1997 đến nay, số cơ sở y tế Nhà nước tăng cả về số lượng và quy mô giường bệnh, trang thiết bị được đầu tư theo chiều sâu. Năm 1997 có 171 cơ sở, năm 2001 có 174 cơ sở, năm 2006 có 177 cơ sở và năm 2011 có 181 cơ sở và vẫn ổn định cho đến nay, trong đó 19 bệnh viện, 162 trạm y tế xã, phường thị

trấn. Mặc dù số cơ sở y tế nhà nước không tăng trong những năm gần đây, song số giường bệnh liên tục tăng, năm 1997 chỉ có 1.635 giường, 2001 tăng lên 2.025 giường, năm 2006 là 2.355 giường, năm 2011 là 2.860 giường; năm 2015 tăng lên 3.435 giường; năm 2019, số giường bệnh tính bình quân 1 vạn dân đạt 27,3. Số lượng cán bộ ngành y tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Năm 1997 có 300 bác sỹ trở lên chiếm 16,60%, năm 2001 có 366 bác sỹ trở lên, chiếm 21,21%, năm 2006 có 457 bác sỹ trở lên, chiếm 25,53%, năm 2011 có 582 bác sỹ trở lên, chiếm 20,70%. Tính đến năm 2019, toàn tỉnh có 3.957 người hoạt động trong ngành y tế, tăng 1.146 người so với năm 2011, tương ứng tăng 40,77%; giai đoạn 2011 – 2019, bình quân mỗi năm tăng 4,35%. Năm 2019 toàn ngành y có 876 bác sỹ, 824 y sỹ, 1.064 y tá và 359 hộ sinh. Tỷ lệ bác sỹ trên 1 vạn dân tăng lên đáng kể từ 5,1 bác sỹ năm 2011 đã tăng lên 7,0 bác sỹ năm 2019. Đến nay tất cả các xã, phường, thị trấn đều đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, cho các đối tượng chính sách và trẻ em dưới 6 tuổi. Phát hiện sớm, bao vây, dập tắt kịp thời dịch bệnh, không để lan rộng và gây tử vong. Thực hiện tốt công tác bình ôn giá thuốc tại các cơ sở y tế, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm. Hưng Yên đã ban hành chính sách ưu đãi, thu hút các Bác sỹ, Dược sỹ tốt nghiệp Đại học chính quy về tỉnh công tác lâu dài. Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình được quan tâm. Triển khai tích cực mô hình lồng ghép dân số với phát triển gia đình bền vững, duy trì tỷ lệ phát triển dân số dưới 1%.

Công tác giám sát các bệnh có nguy cơ gây dịch thường xuyên được quan tâm, chủ động phòng ngừa kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, không để diễn biến phức tạp, giám sát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Tích cực tuyên truyền, vận động về công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Tỷ lệ sinh con thứ 3 và tỷ lệ mất cân bằng giới tính đang giảm dần.

2.3. Về văn hóa xã hội

Phong trào thi đua trong hoạt động văn hoá, thể thao, tuyên truyền liên tục được các ngành và địa phương duy trì và phát triển, đặc biệt là “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được đẩy mạnh và phát triển sâu rộng ở tất cả các huyện, thị xã, thành phố. Chất lượng Làng, khu phố văn hóa, Cơ quan, Gia đình văn hóa được nâng lên. Các công trình di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch tâm linh được tu bổ, tôn tạo.

Phong trào "*Toàn dân rèn luyện thể dục thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại*" nâng cao về chất lượng, các hình thức luyện tập thể dục thể thao quần chúng được đa dạng hóa, nhiều câu lạc bộ thể dục thể thao, gia đình thể thao làm cơ sở để nhân rộng phong trào, thu hút đông đảo nhân dân tham gia luyện tập thể dục thể thao nâng cao sức khỏe phục vụ công tác và lao động sản xuất, số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên tăng và thu hút được nhiều đối tượng. Đến nay toàn tỉnh số người luyện tập thường xuyên đạt 34%; 100% số trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất, có 2.000 câu lạc bộ, điểm nhóm tập luyện thể dục thể thao.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được quan tâm, hàng năm tổ chức nhiều cuộc thi, hội diễn văn nghệ từ cấp huyện trở lên. Các huyện, thành phố quan tâm khôi phục, bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa truyền thống qua các hoạt động giao lưu, biểu diễn nghệ thuật giữa các huyện, giữa các xã, phường, thị trấn tạo được không khí phấn khởi, khích lệ phong trào văn hóa nghệ thuật cơ sở. Công tác xuất bản sách phát triển cả về số lượng và chất lượng, mạng lưới thư viện được củng cố, số lượng đầu sách được đa dạng hóa, tăng về số lượng để đáp ứng ngày càng tăng nhu cầu đọc của người dân.

Đối với thể thao thành tích cao được chú trọng trong việc đào tạo huấn luyện vận động viên các môn có thế mạnh của tỉnh. Trong các năm gần đây thể thao thành tích cao của tỉnh đã có bước chuyển biến tích cực, số lượng vận động viên tăng cả về số lượng và chất lượng, ngành thể dục thể thao đã thường xuyên tuyển chọn, sàng lọc, bổ sung lực lượng vận động viên các môn tăng cường cho đội tuyển của tỉnh và gửi vận động viên tuyển chọn tập huấn tại Trung tâm Thể dục thể thao Quốc gia I, Trường Đại học Thể dục thể thao Trung ương I, đồng thời duy trì nâng cao chất lượng luyện tập các môn thể thao trọng điểm tại trường nghiệp vụ thể dục thể thao tỉnh như: võ PencakSilat, bóng bàn, điền kinh, bóng chuyền nữ, WuShu, Boxing. Ngoài ra, ngành thể dục, thể thao tỉnh còn tổ chức cho một số vận động viên đi tập huấn ở nước ngoài, đồng thời mời chuyên gia nước ngoài sang huấn luyện tại tỉnh; nhiều vận động viên xuất sắc được gọi tập trung đội dự tuyển và đội tuyển quốc gia thi đấu tại các kỳ SEAGAME. Thành tích của các vận động viên ở các giải thể thao quốc gia liên tục tăng qua các năm: năm 2010 đạt 97 huy chương các loại, năm 2015 đạt 117 huy chương các loại, năm 2019 đạt 149 huy chương các loại, năm 2020 đến nay đạt 122 huy chương các loại.

2.4. Về lao động, việc làm và an sinh xã hội

Các chính sách giảm nghèo được triển khai đồng bộ và hiệu quả, huy động được các nguồn lực xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, người cận nghèo, giúp họ vươn lên thoát nghèo. Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh đã góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ giải quyết chính sách xã hội đối với người có công, giải quyết việc làm. Hệ thống các chính sách an sinh xã hội ngày càng đồng bộ và hoàn thiện trên các lĩnh vực như: Xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, phát triển hệ thống bảo hiểm, ưu đãi người có công với nước, trợ giúp xã hội, mở rộng các dịch vụ xã hội công cộng, tạo điều kiện để người dân được hưởng thụ nhiều hơn về văn hoá, y tế và giáo dục. Toàn tỉnh đang chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho 15.307 người có công và 9.082 thân nhân người có công; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 164.751 người có công và thân nhân người có công; trung bình mỗi năm điều dưỡng cho khoảng 10 nghìn người có công. Quan tâm thực hiện chính sách trợ giúp xã hội với nhiều cơ chế, chính sách của tỉnh giúp người nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội tiếp cận tốt hơn các nguồn lực phát triển kinh tế và các dịch vụ xã hội cơ bản. Đã hỗ trợ 91.845 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay vốn với tổng số tiền cho vay là 2.076 tỷ đồng; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 143.911 người thuộc hộ nghèo và 145.139 người thuộc hộ cận nghèo; miễn, giảm học phí và các khoản

đóng góp, cấp bù học phí cho trên 57.838 học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện hỗ trợ mua bảo hiểm xã hội cho đối tượng cận nghèo, mua bảo hiểm y tế cho người khuyết tật, chức sắc tôn giáo, thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cho người từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi. Hoàn thành Đề án hỗ trợ về nhà ở cho người có công và hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở cho 4.693 hộ gia đình người có công, hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở cho 2.093 hộ nghèo từ nguồn ngân sách và xã hội hóa. Triển khai đồng bộ các chương trình quốc gia về bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được triển khai tích cực, có 314.844 lượt người được đào tạo nghề. Hệ thống các trường đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề tăng cả về số lượng, quy mô học sinh, chất lượng và hình thức đào tạo. Công tác dạy nghề theo nhu cầu thị trường từng bước phát huy hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học nghề và sử dụng lao động có tay nghề của xã hội.

3. Quốc phòng - An ninh được đảm bảo; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, từng bước đi vào chiều sâu tạo môi trường thuận lợi thu hút nguồn lực đầu tư, thúc đẩy kinh tế phát triển

Phong trào thi đua "Vì an ninh Tổ quốc", "Học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân" của lực lượng Công an được thúc đẩy mạnh mẽ, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*" có nhiều đổi mới về nội dung, hình thức, nhiều mô hình hoạt động có hiệu quả. Lực lượng Công an đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đấu tranh có hiệu quả với âm mưu "*diễn biến hòa bình*" của các thế lực thù địch, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh nông thôn; thực hiện có hiệu quả các phương án phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, mở nhiều chuyên án tấn công trấn áp các loại tội phạm.

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện toàn diện, hiệu quả; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được giữ vững. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; phòng chống giảm nhẹ thiên tai, cháy nổ; tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; diễn tập quốc phòng, an ninh cho các sở, ngành; diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường, thị trấn; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới và thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyên quân, huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên hằng năm.

4. Công tác xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, chính quyền hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Phong trào "*Xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh*" được triển khai rộng khắp, mang lại kết quả nhiều mặt. Các cấp ủy đảng đã quan tâm đẩy mạnh phong trào "*Nâng cao chất lượng Đảng viên*", "*Nâng cao năng lực lãnh đạo*" của các cấp ủy Đảng. Các tổ chức Đảng đã đóng góp vai trò là hạt nhân trong các phong trào thi đua, trong các hoạt động kinh tế xã hội, đội ngũ Đảng

viên luôn là những người đi đầu trong các phong trào thi đua và các hoạt động xây dựng tổ chức Đảng. Nhiều Đảng bộ, Chi bộ nhiều năm liền được công nhận là trong sạch vững mạnh. Nhiều tấm gương đảng viên tiêu biểu được quần chúng suy tôn, học tập.

Công tác xây dựng chính quyền luôn được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm trên tất cả các lĩnh vực. Triển khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các nghị quyết của Trung ương, chỉ đạo của Chính phủ về cải cách hành chính đã tạo bước chuyển biến mới trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, tỉnh đã sắp xếp, tinh giảm được hơn 70 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Hoạt động cải cách hành chính được triển khai đồng bộ và quyết liệt ở tất cả các cấp, các ngành. Các thủ tục hành chính đã được công bố, công khai đầy đủ theo quy định, thường xuyên được rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm các thủ tục hành chính rườm rà, không cần thiết; hoạt động của Bộ phận một cửa điện tử hiện đại các cấp, đặc biệt là sự ra đời và đi vào hoạt động có hiệu quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tháng 9/2019) (nay là Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh) với 1.500 thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý minh bạch và chuyên nghiệp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được đẩy mạnh, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và giảm giấy tờ hành chính trong chỉ đạo, điều hành. Đến nay, 100% các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có hệ thống mạng nội bộ (LAN) để trao đổi thông tin, xử lý công việc. Tỉnh đã xây dựng được hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đến 100% cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã. Công dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã đã triển khai và đi vào hoạt động với 852 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 652 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4...đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh chuyển biến rõ rệt theo từng năm: Năm 2016 xếp hạng 29; Năm 2019 xếp hạng 13. Chỉ số CCHC trong giai đoạn 2015-2020 của tỉnh được cải thiện đáng kể, năm 2015 xếp thứ 56, năm 2016 xếp thứ 31, năm 2017 xếp thứ 29, năm 2018 xếp thứ 27, năm 2019 xếp thứ 22 so với 63 tỉnh, thành toàn quốc; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) luôn nằm trong các tỉnh dẫn đầu trong cả nước (năm 2018 xếp thứ 3 trên 63, năm 2019 xếp thứ 4 trên 63 tỉnh thành phố).

5. Sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, dân chủ được phát huy, quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng công tác, góp phần đưa kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, quốc phòng, an ninh được giữ vững, đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh được nâng lên rõ rệt. Nhiều phong trào hành động cách mạng do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát động đã

từng bước đáp ứng tâm tư, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh.

Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên được củng cố vững mạnh, bộ máy được kiện toàn. Tỷ lệ tập hợp thành viên, đoàn viên, hội viên của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân hàng năm đều tăng.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; chủ động tham mưu với cấp uỷ, kiến nghị với chính quyền trong việc xây dựng những chủ chương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; đóng góp ý kiến vào các dự thảo luật, pháp lệnh, dự thảo văn kiện đại hội đảng các cấp, các chính sách liên quan đến người dân; tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, của đảng viên, cán bộ, công chức; tích cực xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tập trung nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước như: phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", Phong trào "*Đền ơn đáp nghĩa*", "*Từ thiện nhân đạo*". Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể duy trì việc quyên góp ủng hộ "*Quyên đền ơn đáp nghĩa*", "*Quyên bảo trợ trẻ em*", "*Quyên bảo trợ nạn nhân chất độc da cam*", "*Quyên vì người nghèo*", chăm sóc phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các gia đình liệt sỹ, thương bệnh binh. Tổ chức tốt việc động viên thanh niên lên đường nhập ngũ và giải quyết việc làm cho các đối tượng bộ đội xuất ngũ trở về địa phương.

III. THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TỈNH HƯNG YÊN SAU KHI TÁI LẬP

Nhìn lại chặng đường sau 25 năm tái lập tỉnh gắn với thực hiện công cuộc đổi mới của đất nước, tỉnh Hưng Yên đã đạt được những thành tựu vượt bậc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một số thành tựu nổi bật, cụ thể như sau:

Từ một tỉnh với xuất phát điểm về kinh tế - xã hội còn thấp trở thành trở thành tỉnh phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng, Năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 79,57 triệu đồng gấp 1,64 lần so với năm 2015, gấp 3,35 lần so với năm 2010. So với các tỉnh thành trong khu vực và cả nước, GRDP bình quân đầu người của Hưng Yên đến nay đã đạt mức khá, xếp thứ 12/63 tỉnh thành phố trong cả nước và xếp thứ 6/11 tỉnh, thành phố trong khu vực đồng bằng sông Hồng; 100% số trẻ trong độ tuổi được đến trường; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ hộ nghèo giảm chỉ còn dưới 1,8%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,5%; số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm và giữ vững.

Tỉnh Hưng Yên là tỉnh tiêu biểu của cả nước triển khai phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", 10/10 huyện, thị xã, thành phố hoàn thành xây dựng nông thôn mới; tỉnh Hưng Yên hoàn thành xây dựng nông

thôn mới năm 2020 và trở thành tỉnh thứ 3 trên toàn quốc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Cải cách hành chính được triển khai toàn diện, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị. Sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập các thôn, tổ dân phố đúng tiêu chí đảm bảo tiến độ. Sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tinh giản biên chế đạt kết quả nổi bật. Tỉnh Hưng Yên luôn có chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) duy trì ở tốp đầu cả nước.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, sáng tạo, luôn coi trọng tổng kết lý luận gắn với thực tiễn. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cụ thể, thiết thực, hiệu quả được sự đồng tình ủng hộ của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tình hoạt động ngày càng hiệu quả. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, kiện toàn đồng bộ với sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm đã tạo nên một bức tranh đáng tự hào về Hưng Yên hôm nay và mai sau.

Là địa phương có các phong trào thi đua được triển khai thiết thực, hiệu quả, có sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành và toàn thể Nhân dân. Năm 2010, 2012, tỉnh Hưng Yên được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước trong các Cụm, Khối thi đua toàn quốc.

IV. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI (2021 - 2025)

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, lao động sáng tạo và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và hàng năm. Phấn đấu đến năm 2025:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm 7,5 - 8%; giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng bình quân 2-2,5%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9-10%/năm, giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 7-7,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 130 triệu đồng/năm. Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp, thủy sản 6%; Công nghiệp - xây dựng 66%; Thương mại, dịch vụ 28%. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2020-2025 đạt 250 nghìn tỷ đồng (Vốn đầu tư của Nhà nước khoảng 15%, vốn đầu tư ngoài Nhà nước khoảng 53%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 32%). Thu ngân sách trên địa bàn đạt 21.500 tỷ đồng (trong đó thu nội địa đạt 16.500 tỷ đồng, thu nội địa không tính thu tiền sử dụng đất 14.500 tỷ đồng). Kim ngạch xuất khẩu đạt 8,5 tỷ USD, tăng 9,5-10%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 47%; thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II; thị xã Mỹ Hào cơ bản đạt tiêu chí thành phố; huyện Văn Giang, Văn Lâm đạt đô thị loại III, khu vực đô thị trung tâm các huyện Yên Mỹ, Khoái Châu đạt tiêu chí đô thị loại IV. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1%. Có 55-60 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có từ 25-30 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 71%,

trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 98%, bảo hiểm xã hội 45%. Tuổi thọ trung bình 75 tuổi; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1%. Tỷ lệ gia đình văn hoá 92%; cơ quan, đơn vị văn hoá 91%; làng, khu phố văn hoá 90%. Duy trì tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; 10 bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch 100%. Tỷ lệ xử lý chất thải ở đô thị đạt 95%, ở nông thôn đạt 90%; 100% chất thải nguy hại được xử lý an toàn theo quy định. 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; 100% KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt mức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trên 70% (trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 20%); kết nạp đảng viên mới 1.600 đảng viên. Tỷ lệ tổ chức chính trị-xã hội đạt mức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trên 75% (trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 20%).

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp theo định hướng và phù hợp quy hoạch

Xây dựng và tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 tạo bước phát triển mới có những nội dung đột phá cụ thể. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp quy hoạch phát triển KCN, CCN tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, xác định rõ những khu vực, địa bàn ưu tiên thu hút dự án phát triển công nghiệp giai đoạn 2020-2025, khuyến khích phát triển các dự án quy mô lớn, tạo sức lan tỏa, động lực cho phát triển tại địa phương; đồng thời rà soát các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan tới phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, đặc biệt là về cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư và khuyến khích đổi mới nâng cao trình công nghệ, nhất là chuyển đổi sang công nghệ số, thiết thực tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy sản xuất kinh doanh; vận động, thu hút các nhà đầu tư đầu tư có năng lực, uy tín đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các KCN, CCN được quy hoạch; sử dụng hiệu quả đất đai, đóng góp thiết thực cho ngân sách, thân thiện với môi trường, thúc đẩy phát công nghiệp phụ trợ trên địa bàn tỉnh.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn lực phát triển, nhất là đất đai, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện các dự án được tiếp nhận, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và tạo nền tảng cho tăng trưởng; đề cao trách nhiệm của nhà đầu tư, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện đúng cam kết đầu tư và bảo đảm quy định, nhất là các quy định về đất đai, đầu tư xây dựng và bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý dứt điểm các dự án gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất không hiệu quả, dự án không tuân thủ các quy định pháp luật, không thực hiện đúng cam kết. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ, khuyến khích phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, các doanh nghiệp trong tỉnh, trong nước. Quan tâm phát triển tiêu thủ công nghiệp và kinh tế hợp tác; quy hoạch và xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển các

cum công nghiệp và dịch vụ nông thôn. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài, ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ sạch và quản trị hiện đại; chủ động phòng ngừa, phối hợp giải quyết sớm, có hiệu quả các tranh chấp liên quan đến đầu tư nước ngoài.

2.2. Chú trọng phát triển nông nghiệp hiện đại, nông dân khá giả, nông thôn thông minh

Xây dựng và tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, tạo chuyển biến mới trong phát triển nông nghiệp hiện đại – nông dân khá giả - nông thôn thông minh, từng bước đô thị hóa nông thôn. Rà soát, bổ sung xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 theo hướng phát triển hàng hóa quy mô lớn, an toàn, chất lượng, hiệu quả và có sức cạnh tranh tốt. Phát triển kinh tế vùng bãi sông Hồng, sông Luộc theo hướng nông nghiệp sinh thái và nâng cao giá trị hiệu quả sử dụng đất. Nghiên cứu, xây dựng các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cho hiệu quả cao, thân thiện với môi trường; phát triển thủy sản theo hướng thâm canh và bán thâm canh, tăng diện tích, sản lượng và chất lượng các loài nuôi. Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi đất trồng cây hiệu quả thấp sang nuôi trồng các loại cây, loại con khác có hiệu quả hơn. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai theo quy định, tiếp tục phát triển những vùng chuyên canh, thâm canh phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Tăng cường thu hút đầu tư, thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Rà soát, tổ chức lại hệ thống thú y từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm các điều kiện để kịp thời phòng, chống các dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng; tăng cường kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm. Tăng cường đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; tăng cường các biện pháp xúc tiến thương mại, quảng bá, xây dựng thương hiệu nhằm nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương, công trình thủy lợi và đường giao thông nội đồng; xử lý kiên quyết các vi phạm xây dựng trên đất nông nghiệp, vi phạm hành lang công trình giao thông, thủy lợi; chủ động phòng, chống lụt, bão, úng và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

Huy động nguồn lực xã hội, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao toàn diện, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và hướng tới đô thị hóa nông thôn bền vững – xây dựng nông thôn thông minh, cải thiện trực tiếp điều kiện sống, nâng cao dân trí và sức khỏe của người dân nông thôn; phấn đấu đạt vượt các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới đề ra đến năm 2025.

2.3. Phát triển đồng bộ thương mại, dịch vụ và du lịch

Đẩy mạnh phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo các phương thức tổ chức và giao dịch văn minh, hiện đại. Tăng cường thu hút đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ tiện lợi trên địa bàn tỉnh; chú trọng phát triển

thương mại điện tử, phát huy hiệu quả Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh. Triển khai mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, kết nối và giao dịch thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh.

Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, nhất là các sản phẩm nông nghiệp tại Hưng Yên, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả sản xuất; phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ vận tải, tài chính, ngân hàng, y tế, lao động, logistic,... Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các hiệp hội và cơ quan quản lý của tỉnh để phát triển mạnh thị trường trong và ngoài nước. Chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại đối tác mà Việt Nam đã ký kết. Có biện pháp hiệu quả đưa nông sản của tỉnh vào các hệ thống phân phối chính thống, các chuỗi siêu thị, trung tâm thương mại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Thúc đẩy phát triển dịch vụ thông tin truyền thông và phát triển kinh tế số. Thực hiện cơ chế thuê, thuê mua dịch vụ công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Tăng cường thu hút và đầu tư xây dựng hạ tầng phát triển du lịch; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch; xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh. Nghiên cứu và triển khai mô hình gắn kết thương mại - du lịch - tiêu thụ công nghiệp, làng nghề - sản xuất nông nghiệp chất lượng cao nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

2.4. Tăng cường công tác tài chính và thu, chi ngân sách

Chú trọng thực hiện toàn diện và đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thu-chi ngân sách hàng năm, bảo đảm chủ động cân đối ngân sách; có biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu phù hợp, từng bước cải thiện bền vững cơ cấu thu; phấn đấu đến 2025, thu ngân sách từ tiền sử dụng đất chiếm dưới 15% tổng thu. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách; đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho các địa phương. Tiếp tục cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả đầu tư công. Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa phát triển; không đầu tư dàn trải, kiên quyết xử lý dự án triển khai chậm vi phạm quy định gây lãng phí nguồn lực; không để xảy ra tình trạng nợ đọng nhiều trong xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tài chính đối với các cơ quan, tổ chức sử dụng vốn ngân sách nhà nước; công khai, minh bạch trong các hoạt động quản lý ngân sách nhà nước đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ

Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, phấn đấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng hàng năm. Tập trung hoàn thành phê duyệt Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên cơ sở đó xây dựng các quy hoạch chuyên ngành:

Quy hoạch chung đô thị Văn Giang, Quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào, Quy hoạch chung các khu vực phát triển đô thị Thị trấn Như Quỳnh, Khoái Châu, Yên Mỹ mở rộng; Quy hoạch liên vùng huyện khu vực 2 bên đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng; Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp. Tổ chức thực hiện tốt Chương trình phát triển giao thông vận tải, Chương trình phát triển đô thị và nhà ở tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Có phương án tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh quy hoạch để sử dụng hiệu quả đất đai Khu Đại học Phố Hiến trong giai đoạn phát triển mới. Huy động nguồn lực, lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp, tập trung đầu tư các công trình động lực như: Hoàn thiện giai đoạn 2 đường nội đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; đường trục kinh tế Bắc - Nam; đường 379, đường 387 - nối vành đai 5; đường vành đai 3.5, đường vành đai 4 và vành đai 5 qua địa bàn tỉnh; Đường song hành cao tốc Hà Nội – Hải Phòng;... Thực hiện nâng cấp, cải tạo, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh (giao thông, thủy lợi, điện, thông tin, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch,...) theo quy hoạch, kế hoạch đáp ứng nhu cầu phát triển. Triển khai đầu tư xây dựng các khu đô thị lớn, như Khu đô thị Dream City, khu đô thị phía Đông sông Điện Biên, Khu công nghiệp và đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt,... đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các đô thị mới, các khu vực phát triển đô thị. Xây dựng thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II. Thị xã Mỹ Hào và đô thị Văn Giang đạt đô thị loại III; khu vực thị trấn Như Quỳnh, thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu vực Bô thời – Dân Tiến huyện Khoái Châu đạt đô thị loại IV, có thêm 6-8 khu vực đạt đô thị loại V; tăng cường đầu tư xây dựng nâng cao chất lượng các đô thị trung tâm huyện, các khu vực đô thị loại V. Phối hợp nghiên cứu đầu tư hợp lý của các tuyến đường sắt trên địa bàn, xây dựng ga đường sắt, cảng thông quan nội địa ICD phù hợp với quy hoạch. Quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa trọng điểm của tỉnh; hoàn thiện thiết chế văn hoá cấp huyện và cơ sở theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

2.6. Tăng cường quản lý đất đai, bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ngăn chặn tình trạng sử dụng đất lãng phí, sai mục đích; quản lý chặt chẽ đất công, đất đã được quy hoạch, có kế hoạch và mục đích sử dụng được duyệt; cơ bản hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân vào năm 2025; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất, kịp thời phát hiện, xử lý kiên quyết, triệt để các vi phạm pháp luật về đất đai; không để xảy ra vi phạm phức tạp mới; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, bức xúc của người dân về đất đai; từng bước chấm dứt tình trạng khiếu kiện về đất đai đông người, vượt cấp, kéo dài, gây mất trật tự, an toàn xã hội, cản trở phát triển. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy định của tỉnh phù hợp với chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường; tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên; đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, sớm đẩy lùi tình trạng gia tăng ô nhiễm môi trường; tập trung xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, hoàn thành trước năm 2023. Huy động cả hệ thống chính trị tập trung tạo

bước cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân; quan tâm phát triển công nghiệp môi trường cùng với phát triển công nghiệp và đô thị, dịch vụ; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống nhằm bảo đảm phát triển bền vững.

2.7. Chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo, nguồn nhân lực; ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ

Xây dựng và thực hiện tốt Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của kinh tế- xã hội và khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ số. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, chú trọng hơn nữa tới giáo dục mầm non và tiểu học; thúc đẩy phát triển xã hội học tập suốt đời. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hoá, hiện đại hoá. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và giám sát các hoạt động giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý giáo dục. Quan tâm phát triển giáo dục đào tạo nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nhân lực trình độ kỹ thuật, công nghệ hiện đại, gắn kết hơn nữa đào tạo nghề với nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp và xuất khẩu lao động. Tiếp tục thúc đẩy các trường Đại học đầu tư xây dựng tại Khu đại học Phố Hiến. Triển khai đầu tư xây dựng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội sơ sở 2 tại huyện Văn Giang, hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động Trường Đại học Công đoàn cơ sở 2 tại huyện Yên Mỹ.

Cơ cấu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; tăng cường các hoạt động liên kết, nghiên cứu triển khai, chuyên gia công nghệ và hợp tác giữa nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học để phát triển các sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh cao của tỉnh. Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế, phương thức quản lý đối với các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, ưu tiên cơ chế “đặt hàng” và khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hỗ trợ các tập thể, cá nhân xây dựng, bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Phân đấu số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ giai đoạn 2021-2025 tăng 2,5 lần so với giai đoạn 2010-2015. Tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển và chuyên gia công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên. Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2.8. Quan tâm bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện tốt Chương trình tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống y tế phát triển toàn diện theo hướng hiện đại và chuyên sâu, có cơ sở vật chất kỹ thuật cao, đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân; nâng cao năng lực của hệ thống khám, chữa bệnh tuyến huyện và tuyến tỉnh; tiếp tục đổi mới y tế cơ sở gắn với nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh tuyến đầu. Quan tâm đầu tư, thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân. Đảm bảo an toàn thực phẩm, nhất là tại các bếp ăn công nhân, tập thể. Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Xây dựng, phát triển mô hình bác sỹ gia đình. Phát triển hệ thống y dược học cổ truyền, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại. Giảm tỷ lệ sinh con thứ ba và mất cân bằng giới tính khi sinh.

2.9. Đẩy mạnh phát triển văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông

Tăng cường phát triển toàn diện văn hóa gắn với cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia phát triển nền tảng tinh thần của xã hội. Tăng cường xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý và phục vụ nhân dân, văn hóa tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường, văn hóa trong lao động sản xuất kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân... Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; phòng chống bạo lực gia đình và học đường, bảo vệ môi trường và tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Nâng cao chất lượng hoạt động của các loại hình văn hóa, văn nghệ. Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở.

Đẩy mạnh phát triển phong trào thể thao quần chúng cả về bề rộng và chiều sâu; nâng cao thể thao thành tích cao, chú trọng xây dựng các môn thể thao mũi nhọn của tỉnh. Đổi mới và đẩy mạnh phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch, khai thác các di tích văn hóa lịch sử cùng với thắng cảnh và các khu đô thị đẹp của tỉnh để phát triển du lịch; tăng cường hợp tác liên kết vùng để phát triển du lịch. Quan tâm đầu tư chống xuống cấp, bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa vật thể; phục hồi và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc của tỉnh. Khuyến khích xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển.

Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin truyền thông. Chú trọng quản lý tốt các loại hình thông tin trên mạng Internet; kiên quyết đấu tranh, xử lý, loại bỏ các sản phẩm, thông tin xấu độc; chủ động tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân, nhất là thế hệ trẻ để phòng tránh các nội dung văn hóa xấu độc. Các cơ quan truyền thông của tỉnh tập trung thực hiện tốt hơn nữa chức năng nhiệm vụ, đề cao trách nhiệm

trước xã hội, góp phần xây dựng văn hóa, con người Hưng Yên đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Hoàn thành cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên phù hợp với Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) khi Chính phủ ban hành. Xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cập nhật triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương. Hoàn thiện kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh, Công dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp. Xây dựng phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính hướng tới Chính phủ số.

2.10. Quan tâm thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội

Chú trọng gắn kết chính sách phát triển kinh tế với chính sách phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ khâu xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển trong các giai đoạn cụ thể của từng địa phương, từng ngành; tăng cường công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; phấn đấu cơ bản các chỉ số về an sinh xã hội đạt tích cực hơn mức bình quân chung cả nước, thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Huy động nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước thực hiện tốt chính sách đối với người có công, đồng thời thực hiện hiệu quả chương trình, dự án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; quan tâm giúp đỡ các đối tượng bảo trợ xã hội. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; quan tâm tới lao động nông thôn và các đối tượng chính sách. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm; có cơ chế và giải pháp để đào tạo lại lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.11. Tăng cường quốc phòng, an ninh, tư pháp; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại

Tăng cường xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân kết hợp với an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình trong khu vực phòng thủ, các căn cứ chiến đấu, hậu phương gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng- an ninh; phòng, chống có hiệu quả mọi âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức, tinh thông chuyên môn, tinh nhuệ nghiệp vụ. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng và có chất lượng tốt; tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua, hoàn thành giải quyết chính sách tền động sau chiến tranh; quan tâm chính sách hậu phương quân đội, công an và hoạt động đền ơn đáp nghĩa; hoàn thành kế hoạch giao quân hàng năm bảo đảm chỉ tiêu và chất lượng.

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Chú trọng thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ

quốc, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh. Không để hình thành “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự hoặc xảy ra bị động, bất ngờ. Đẩy mạnh phòng, chống, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội, đấu tranh triệt phá không để hình thành băng nhóm tội phạm có tính chất manh động; bảo đảm trật tự, an toàn, giảm tội phạm ma túy và giảm tai nạn giao thông; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, đấu tranh hiệu quả với tội phạm công nghệ cao; bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ. Tiếp tục đổi mới xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp bảo đảm trật tự trị an, ổn định phát triển.

Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công tác cải cách tư pháp: nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, thi hành án; đưa công tác tư pháp thực sự đến gần với người dân, phục vụ nhân dân, bảo đảm công bằng, nghiêm minh, liêm chính. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả thi hành án dân sự và trong quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm, không để xảy ra oan sai. Nâng cao hiệu quả công tác giám định tư pháp và trợ giúp pháp lý. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, kịp thời giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở. Kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Thực hiện tốt công tác thanh tra và xử lý sau thanh tra.

Đẩy mạnh đối ngoại xúc tiến đầu tư, tạo đột phá thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển công nghiệp công nghệ cao và hạ tầng khu công nghiệp hiện đại; thực hiện liên doanh, liên kết, chuyên gia công nghệ và khoa học quản lý hiện đại với doanh nghiệp trong nước. Hợp tác thiết thực với các địa phương giáp ranh, trong khu vực đồng bằng sông Hồng và các địa phương khác để góp phần thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển.

2.12. Đẩy mạnh xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII; chú trọng rà soát, sắp xếp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp và Đề án vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm được phê duyệt, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với việc cải cách hành chính; nâng cao chất lượng hoạt động và giám sát của HĐND, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp, cải thiện rõ nét quan hệ của cơ quan hành chính với nhân dân, nhất là ở cơ sở. Đổi mới phân cấp, phân công, phân quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, xã hội hóa dịch vụ công; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, có năng lực, uy tín, tính chuyên nghiệp cao, sức khỏe tốt, tận tụy phục vụ nhân dân; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi

đường đối với cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo môi trường, điều kiện thúc đẩy đổi mới sáng tạo; có cơ chế khuyến khích cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, sẵn sàng chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Đến năm 2025: Tiếp tục giảm tối thiểu bình quân toàn tỉnh 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

2.13. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

Tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng việc học tập, quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; coi trọng và làm tốt việc học tập bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức thường xuyên cho mọi cán bộ, đảng viên bằng hình thức phù hợp, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị; nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ; thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; coi sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên làm thước đo hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt, giáo dục chính trị tư tưởng của các cấp ủy đảng và bộ phận chuyên trách. Chú trọng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, nâng cao nhận thức và ý thức phòng chống “diễn biến hòa bình”. Tăng cường công tác nắm bắt, kịp thời xử lý thông tin và định hướng chính xác dư luận xã hội bằng các cách thức phù hợp. Kiên toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy lý luận chính trị và đội ngũ báo cáo viên. Kiên toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch. Tăng cường kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện cơ hội chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thiết thực xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng.

Đổi mới, hoàn thiện sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần các Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm và bảo đảm các quy định kiểm soát quyền lực. Các cấp, các ngành, các địa phương phát huy tính chủ động trong việc sắp xếp kiện toàn tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công tác cán bộ bảo đảm đồng bộ, liên thông, nhất quán và phù hợp thực tế; tập trung nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp và cán bộ cấp cơ sở. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương bí thư

cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; thực hiện mô hình bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đồng thời tạo môi trường để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, bảo vệ cán bộ dám chịu trách nhiệm làm đột phá vì lợi ích chung. Đẩy mạnh đổi mới công tác bố trí sử dụng cán bộ, gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh và đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị; chủ động chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp cơ sở, cán bộ trẻ, cán bộ nữ có năng lực. Quản lý chặt chẽ hồ sơ gốc của cán bộ, đảng viên theo quy định; thực hiện tốt chính sách cán bộ và coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Chú trọng công tác phát triển đảng viên, bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng đảng viên. Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng.

Cấp ủy các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị, tạo chuyển biến rõ nét về kết quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Tăng cường kiểm tra, giám sát cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; các lĩnh vực dễ nảy sinh vi phạm; việc thực hiện tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên, những điều đảng viên không được làm; việc xây dựng và thực hiện Quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng... Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra của Đảng với hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Thường xuyên, kịp thời củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra và cơ quan Ủy ban Kiểm tra; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra, nhất là cấp cơ sở.

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với công tác nội chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí, trong đó chú trọng nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Tổ chức thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương về công tác nội chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí. Chú trọng làm tốt công tác kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp, những nơi có vấn đề phức tạp, dư luận phản ánh về tiêu cực, tham nhũng, những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng; xử lý nghiêm những cán bộ những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao bản lĩnh, đạo đức, năng lực cán bộ phòng chống tham nhũng. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, bảo đảm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; khắc phục tình trạng dễ khiếu nại, tố cáo kéo dài, vượt cấp, gây bức xúc cho nhân dân.

Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị chú trọng đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng cùng với mạng xã hội, với cách làm sáng tạo và thiết thực, hướng đến tạo đồng thuận trong nhân dân tích cực thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tập trung làm tốt công tác dân vận chính quyền, nhất là công tác dân vận của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ trong các loại hình cơ sở. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước và phong trào “Dân vận khéo”, nhân rộng các điển hình về công tác dân vận. Quan tâm kiện toàn, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể nhân dân nhất là ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chú trọng đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Làm tốt chức năng giám sát, phân biện xã hội, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng đảng, chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh. Quan tâm phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, người lao động. Phát huy vai trò chủ thể và sức sáng tạo của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp hiện đại, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Phát triển đội ngũ trí thức có chất lượng cao; tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ doanh nhân thể hiện năng lực, cống hiến tài năng, thực hiện trách nhiệm xã hội và thúc đẩy phát triển xã hội. Tạo động lực cho thanh niên xung kích trong học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp; chăm lo nuôi dưỡng, bảo vệ thiếu niên, nhi đồng. Tạo điều kiện để phụ nữ phát huy được khả năng của mình và thực hiện tốt bình đẳng giới. Tăng cường vai trò của hội viên cựu chiến binh trong giáo dục lòng yêu nước và truyền thống cách mạng, giúp nhau làm kinh tế cải thiện đời sống trong thời bình. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; tập hợp, vận động nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; vận động, đoàn kết, tập hợp các chức sắc, tín đồ tôn giáo sống tốt đời đẹp đạo, ổn định trật tự và tham gia đóng góp tích cực cho phát triển quê hương.

Tập trung đổi mới và cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, thông qua việc ban hành và tổ chức hiện tốt các quy chế, quy định, quy trình cụ thể; bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, rõ trách nhiệm quyền hạn và các mối quan hệ công tác; kịp thời rà soát, điều chỉnh bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy khi có vấn đề phát sinh, đáp ứng yêu cầu thực tế. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy đảng. Coi trọng lãnh đạo đổi mới và nâng

cao hoạt động công tác tuyên truyền, vận động, quán triệt thực hiện, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đại để nâng cao năng suất, hiệu quả công tác; giảm bớt giấy tờ, giảm mạnh hội họp. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực hiện quy chế phối hợp, quy định về giám sát, phân biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

V. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC GHI NEẬN

1. Danh hiệu thi đua

1.1. Cờ thi đua xây dựng công trình đại thủy nông Bắc Hưng Hải

Năm 1961, Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên được Bác Hồ trao cờ Làm thủy lợi khá nhất - Đơn vị đầu tiên được tặng cờ trong phong trào thi đua xây dựng công trình đại thủy nông Bắc Hưng Hải (ngày 16/9/1961).

1.2. Cờ Thi đua của Chính phủ

Năm 2010, 2012, tỉnh Hưng Yên được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước trong các Cụm, Khối thi đua toàn quốc.

2. Hình thức khen thưởng

2.1. Huân chương Sao vàng

Ngày 20/7/1985, Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng cho nhân dân, cán bộ và lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hải Hưng vì đã có công lao và thành tích to lớn trong cách mạng dân tộc dân chủ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh 2/9 (1945- 1985).

2.2. Huân chương Hồ Chí Minh

Năm 2011, tỉnh Hưng Yên được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Quyết định số 1946/2011/QĐ-CTN ngày 29/10/2011 của Chủ tịch nước.

2.3. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

Ngày 6/11/1978, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký Lệnh công bố Quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên dương danh hiệu Anh hùng cho lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hải Hưng.

2.4. Huân chương Độc lập hạng Nhất

Năm 2005, tỉnh Hưng Yên được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất, Quyết định số 653/2005/QĐ-CTN ngày 24/6/2005 của Chủ tịch nước.

Năm 2016, tỉnh Hưng Yên được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Quyết định số 2555/QĐ-CTN ngày 01/12/2016 của Chủ tịch nước.

2.5. Huân chương Lao động

Ngày 28/4/1973, Chủ tịch Tôn Đức Thắng ký Lệnh số 34/LCT tặng thưởng Huân chương Lao động cho cán bộ và nhân dân tỉnh Hải Hưng về thành tích trong sản xuất nông nghiệp năm 1972.

Tháng 11/1980, tỉnh Hải Hưng được Quốc hội và Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích hoàn thành phổ cập văn hóa cấp I cho toàn dân (năm 1978).

Nhân dịp Kỷ niệm 190 năm thành lập tỉnh (1831-2021), 80 năm thành lập Đảng bộ tỉnh (1941-2021), 25 năm tái lập tỉnh Hưng Yên (1997-2021), Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên trân trọng đề nghị Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương, Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xét, tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Hưng Yên có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Văn